

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở xây dựng để xây dựng giá cho việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động chuyên môn. Kính mời các đơn vị có nhu cầu và khả năng cung cấp hàng hoá cho các gói thầu “Quà tặng và Suất ăn cho người hiến máu tại Viện và các điểm cố định” gửi báo giá về Viện theo nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu gửi báo giá:

- Đơn vị yêu cầu gửi báo giá: Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương.
- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
- Thông tin liên hệ: Văn phòng Trung tâm Máu Quốc gia
- Điện thoại: 0243.7821895 - 664
- Các thức tiếp nhận báo giá:
- Nhận báo giá (kèm giấy ĐKKD) trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư (phòng 132, tầng 1, nhà H), Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương - Phố Phạm Văn Bạch, phường Cầu giấy, thành phố Hà Nội.
- Nhận báo giá qua email: vanphong@nihbt.org.vn. (sau đó gửi trực tiếp)
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 14h00' ngày 06/02/2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.
- Thời gian có hiệu lực của báo giá: 12 tháng kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu gửi báo giá:

1. Danh mục hàng hoá:

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
I	Gói thầu “Quà tặng cho người hiến máu tại Viện và các điểm cố định”				
1	Thú hình linh vật hiến máu	- Chất liệu: + Bao ngoài: Vải velboa co giãn 4 chiều 100% polyester. + Lõi trong: Phần thân là 100% cao su non nguyên khối. Phần chân, tay, mào là bông gòn (bông xơ), màu trắng. <i>Có tài liệu mô tả kỹ thuật/catalog do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành, trong đó thể hiện tối thiểu các nội dung sau: Cấu tạo sản phẩm theo từng bộ phận (bao ngoài, lõi thân, tay/chân/mào); Tên và thành phần chính của vật liệu sử dụng cho từng bộ phận; Hình ảnh minh họa hoặc bản vẽ mô phỏng thể hiện cấu tạo sản</i>	Con	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được để riêng trong 01 túi nilon. - Đóng ≤ 10 con/thùng carton	51.000

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
		phẩm. (Cung cấp phiếu kiểm nghiệm hoặc kết quả thử nghiệm chất liệu (vải velboa, cao su non, bông xơ) do phòng thử nghiệm được công nhận theo quy định của pháp luật thực hiện). * - Kích thước: (cao x ngang x sâu) = (35 x 25 x 15) cm, ± 5%. - Màu sắc: Theo bộ nhận diện linh vật hiến máu. - Yêu cầu khác: Sản phẩm có khoá kéo. Đường may ≥ 3 mũi chi/1cm.. Không lộ chỉ thừa, không bung rách. - Gắn tem mác theo nội dung do Chủ đầu tư phê duyệt.			
2	Thú nhồi bông	- Chất liệu: + Bao ngoài: Vải velboa co giãn 04 chiều 100% polyester. + Lõi trong: Bông gòn (bông xơ) 100% polyester, màu trắng. Có tài liệu mô tả kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành, trong đó thể hiện tối thiểu các nội dung sau: Cấu tạo sản phẩm (bao ngoài, lõi nhồi); Tên và thành phần chính của vật liệu sử dụng; Hình ảnh minh họa hoặc bản vẽ mô phỏng cấu tạo sản phẩm. (Cung cấp phiếu kiểm nghiệm hoặc kết quả thử nghiệm chất liệu (vải velboa, bông xơ) do phòng thử nghiệm được công nhận theo quy định của pháp luật thực hiện). * - Trọng lượng: ≥ 550 gr. - Màu sắc: Đa dạng. - Kiểu dáng: Đa dạng (tối thiểu 5 mẫu). - Yêu cầu khác: Sản phẩm có khoá kéo. Đường may ≥ 3 mũi chi/1cm. Vải không bám dính quần áo và không phai màu. - Gắn tem mác theo nội dung do Chủ đầu tư phê duyệt.	Con	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được để riêng trong 01 túi nilon và hút chân không. - Đóng ≤ 20 con /thùng carton, mỗi thùng có tối thiểu 05 mẫu	28.100
3	Áo mưa	- Chất liệu: Vải dù hoặc vân tổ ong hoặc nhựa . Có tài liệu mô tả kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành, trong đó thể hiện tối thiểu các nội dung sau: Loại vật liệu chính sử dụng để sản xuất áo mưa; Đặc tính kỹ thuật cơ bản của vật liệu (khả năng chống thấm, độ dày	Chiếc	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được để trong 01 túi đựng áo. Túi có dây quai xách và khoá kéo	20.000

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
		hoặc định lượng vật liệu); Hình ảnh minh họa hoặc bản vẽ mô phỏng cấu tạo sản phẩm. (Cung cấp phiếu kiểm nghiệm hoặc kết quả thử nghiệm đặc tính vật liệu áo mưa (khả năng chống thấm nước, độ bền vật liệu) do phòng thử nghiệm được công nhận theo quy định của pháp luật thực hiện). * - Kích thước: + Chiều dài vạt trước: ≥ 130 cm, $\pm 5\%$. + Chiều dài vạt sau: ≥ 140 cm, $\pm 5\%$. + Chiều rộng áo: ≥ 150 cm, $\pm 5\%$. + Chiều cao mũ áo: ≥ 32 cm, $\pm 5\%$. - Màu sắc: Đa dạng. - Yêu cầu khác: Sản phẩm có kiểu dáng cánh dơi dùng cho 1 người đi xe máy. Mặt trước có bóng kính trong để chiếu đèn xe. Hai bên có cơi sỏ gương. - In màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt.		miệng túi. - Đóng ≤ 20 chiếc/thùng carton, mỗi thùng có tối thiểu 05 màu.	
4	Bộ 03 hộp nhựa	- Chất liệu: Nhựa Polypropylene (PP). Có tài liệu kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành thể hiện loại nhựa sử dụng và mục đích sử dụng cho thực phẩm - Quy cách bộ sản phẩm: Gồm 03 hộp với dung tích lần lượt là: 500 ml, 1.000ml và 1.500ml. - Khả năng chịu nhiệt: Sử dụng ổn định trong dải nhiệt độ từ -20°C đến 120°C, phù hợp bảo quản thực phẩm nóng/lạnh theo công bố của nhà sản xuất. - Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm phải có bản tự công bố sản phẩm theo quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; trường hợp chưa có bản tự công bố, nhà thầu phải nộp phiếu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thể hiện sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, làm cơ sở để tự công bố. Các tài liệu này phải được nộp kèm theo hồ sơ dự thầu (bản sao có xác nhận của nhà thầu). - Mỗi sản phẩm có in hoặc dán tem/nhãn theo bộ nhận diện linh vật do Chủ đầu tư phê duyệt.	Bộ	- Đóng gói: Mỗi bộ sản phẩm gồm 3 hộp được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Đóng ≤ 20 bộ/thùng carton	20.000

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
5	Ô cầm tay	-Chất liệu: + Khung xương, nan ô: Thép không gỉ. + Tay cầm: Nhựa đặc, tráng cao su. + Vải Polyester tráng bạc 2 lớp. <i>Có tài liệu mô tả kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành, trong đó thể hiện tối thiểu các nội dung sau:</i> <i>Cấu tạo ô (khung xương, nan ô, tay cầm, vải ô); Tên và thành phần chính của vật liệu sử dụng cho từng bộ phận; Hình ảnh minh họa hoặc bản vẽ mô phỏng cấu tạo sản phẩm.</i> <i>(Cung cấp phiếu kiểm nghiệm hoặc kết quả thử nghiệm chất liệu (vải polyester tráng bạc) do phòng thử nghiệm được công nhận theo quy định của pháp luật thực hiện.)*</i> - Kích thước: + Chiều dài khi mở: 60 cm, $\pm 5\%$. + Chiều dài khi gập: 40 cm, $\pm 5\%$. + Đường kính khi mở: 110 cm, $\pm 5\%$. - Màu sắc: Đa dạng. - Yêu cầu khác: Sản phẩm có 08 giống đỡ. Tay cầm có dây treo tiện dụng. Có nút bấm mở ô. Khi gập có dây quấn và khuy bấm cố định ô. - In màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật do Chủ đầu tư phê duyệt.	Chiếc	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được để trong 01 túi bọc bằng vải dù và 01 túi nilon bọc bên ngoài. - Đóng ≤ 30 chiếc/thùng carton, mỗi thùng có tối thiểu 05 màu.	25.500
6	Thước dây cuộn	- Chất liệu: Làm từ nhựa <i>Có tài liệu mô tả kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành, trong đó thể hiện tối thiểu các nội dung sau:</i> <i>Cấu tạo sản phẩm (vỏ ngoài, dây đo, nút bấm thu dây); Tên và vật liệu chính cấu thành vỏ và dây đo; Hình ảnh minh họa hoặc bản vẽ mô phỏng cấu tạo sản phẩm.</i> <i>(Cung cấp phiếu kiểm nghiệm hoặc kết quả thử nghiệm vật liệu nhựa theo quy định của pháp luật thực hiện).*</i> - Kích thước: + Vỏ ngoài: (4 x 4) cm $\pm 5\%$. + Dây đo: Chiều dài 150 cm, có vạch chia cm và inch rõ ràng. - Màu sắc: + Vỏ ngoài: màu sắc đa dạng + Dây đo: Màu trắng, vạch chia và chỉ số màu đen	Chiếc	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được để trong 01 hộp và có túi nilon bên ngoài. - Đóng ≤ 50 chiếc/ thùng carton.	33.600

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
		- Yêu cầu khác: Thước dây dạng tự cuộn, có nút bấm thu gọn dây- In/dán màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt.			
7	Bộ 05 hộp bảo quản thực phẩm	- Chất liệu: Nhựa Polypropylene (PP) <i>Có tài liệu kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành thể hiện loại nhựa sử dụng và mục đích sử dụng cho thực phẩm.</i> - Quy cách bộ sản phẩm: Bộ gồm 05 hộp, dung tích lần lượt: : + 02 hộp 500 ml $\pm$ 5% + 02 hộp 1.100ml $\pm$ 5% + 01 hộp 2.400ml $\pm$ 5% - Khả năng chịu nhiệt: Sử dụng ổn định trong dải nhiệt độ từ -20°C đến 120°C - Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm phải có bản tự công bố sản phẩm theo quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; trường hợp chưa có bản tự công bố, nhà thầu phải nộp phiếu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thể hiện sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, làm cơ sở để tự công bố. Các tài liệu này phải được nộp kèm theo hồ sơ dự thầu (bản sao có xác nhận của nhà thầu). - Yêu cầu khác: Nắp hộp có gioăng silicon kín khít và khóa 04 góc, bảo đảm hạn chế rò rỉ trong điều kiện sử dụng thông thường. - In/dán màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt.	Bộ	- Đóng gói: Mỗi bộ sản phẩm đựng trong 01 hộp giấy - Đóng $\leq$ 10 bộ/thùng carton.	28.100
8	Bộ 07 hộp bảo quản đồ khô	- Chất liệu: Thân hộp bằng nhựa SAN; nắp hộp bằng nhựa LDPE <i>Có tài liệu kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành thể hiện loại nhựa sử dụng cho từng bộ phận (thân/nắp) và mục đích sử dụng cho thực phẩm/đồ khô.</i> - Quy cách bộ sản phẩm: Bộ gồm 07 hộp, dung tích lần lượt: + 02 hộp: 400 ml $\pm$ 5% + 02 hộp: 600ml $\pm$ 5% + 02 hộp: 900ml $\pm$ 5% + 01 hộp: 1.400ml $\pm$ 5% - Khả năng chịu nhiệt: Sử dụng ổn định	Bộ	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm đựng trong 01 hộp giấy. - Đóng $\leq$ 10 bộ/thùng carton.	25.500

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
		trong dải nhiệt độ từ -20°C đến 90°C theo công bố của nhà sản xuất - Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm phải có bản tự công bố sản phẩm theo quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; trường hợp chưa có bản tự công bố, nhà thầu phải nộp phiếu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thể hiện sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, làm cơ sở để tự công bố. Các tài liệu này phải được nộp kèm theo hồ sơ dự thầu (bản sao có xác nhận của nhà thầu). - In/dán màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt.			
9	Bình nước nhỏ	- Chất liệu: Thân bình (nhựa Tritan), Nắp (nhựa PP), Gioăng (Silicon). Có tài liệu kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành thể hiện loại vật liệu sử dụng cho từng bộ phận (thân, nắp, gioăng) và mục đích sử dụng cho thực phẩm/đồ uống. - Dung tích: ≥ 350 ml. - Màu sắc: đa dạng - Khả năng chịu nhiệt: Sử dụng ổn định trong dải nhiệt độ từ -20°C đến 100°C - Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm phải có bản tự công bố sản phẩm theo quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; trường hợp chưa có bản tự công bố, nhà thầu phải nộp phiếu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thể hiện sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, làm cơ sở để tự công bố. Các tài liệu này phải được nộp kèm theo hồ sơ dự thầu (bản sao có xác nhận của nhà thầu). - Yêu cầu khác: Bình nước có nút bấm mở nắp tiện dụng; Nắp vặn, có gioăng silicon kín khít, hạn chế rò rỉ trong điều kiện sử dụng thông thường. - In/dán màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt	Chiếc	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được để trong 01 hộp giấy. - Đóng ≤ 20 chiếc/thùng carton.	13.700
10	Bình nước to	- Chất liệu: Thân bình (nhựa Tritan), Nắp (nhựa PP), Gioăng (Silicon). Có tài liệu kỹ thuật/catalogo do nhà thầu	Chiếc	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được	25.500

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
		hoặc nhà sản xuất phát hành thể hiện loại vật liệu sử dụng cho từng bộ phận (thân, nắp, gioăng) và mục đích sử dụng cho thực phẩm/đồ uống. - Dung tích: ≥ 500 ml. - Màu sắc: đa dạng - Khả năng chịu nhiệt: Sử dụng ổn định trong dải nhiệt độ từ -20°C đến 100°C - Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm phải có bản tự công bố sản phẩm theo quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; trường hợp chưa có bản tự công bố, nhà thầu phải nộp phiếu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thể hiện sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, làm cơ sở để tự công bố. Các tài liệu này phải được nộp kèm theo hồ sơ dự thầu (bản sao có xác nhận của nhà thầu). - Yêu cầu khác: Bình nước có nút bấm mở nắp tiện dụng; Nắp vận, có gioăng silicon kín khít, hạn chế rò rỉ; Có tay cầm gắn liền thân hoặc gần nắp - In/dán màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt.		để trong 01 hộp. - Đóng ≤ 20 chiếc/thùng carton.	
11	Cốc nước	- Chất liệu: Thân bình (nhựa AS), Nắp (nhựa PP), Gioăng (Silicon). - Có tài liệu kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành thể hiện loại vật liệu sử dụng cho từng bộ phận (thân, nắp, gioăng) và mục đích sử dụng cho thực phẩm/đồ uống. - Dung tích: ≥ 600 ml. - Kích thước: chiều cao x đường kính miệng cốc x đường kính đáy cốc: $(250 \times 100 \times 60)$ mm $\pm 10\%$. - Màu sắc: đa dạng - Khả năng chịu nhiệt: Sử dụng ổn định trong dải nhiệt độ từ -20°C đến 100°C, phù hợp sử dụng với đồ uống nóng/lạnh theo công bố của nhà sản xuất. - Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm phải có bản tự công bố sản phẩm theo quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; trường hợp chưa có bản tự công bố, nhà thầu phải nộp phiếu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thể hiện sự phù hợp	Chiếc	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được để trong 01 hộp giấy. - Đóng ≤ 20 chiếc/thùng carton.	44.600

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
		với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, làm cơ sở để tự công bố. Các tài liệu này phải được nộp kèm theo hồ sơ dự thầu (bản sao có xác nhận của nhà thầu). - Yêu cầu khác: Thành cốc 02 lớp, có khoảng không ở giữa giúp hạn chế truyền nhiệt ra bên ngoài; Nắp cốc có gioăng silicon kín khít, thiết kế có ống hút. - In/dán màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt.			
12	Bộ 3 hộp thực phẩm trữ đông	- Chất liệu: Nhựa Polypropylene (PP) Có tài liệu kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành thể hiện loại nhựa sử dụng và mục đích sử dụng cho thực phẩm/trữ đông. - Quy cách bộ sản phẩm: Bộ gồm 03 hộp, dung tích lần lượt: 900ml, 2.500ml, 3.600ml - Khả năng chịu nhiệt: Sử dụng ổn định trong dải nhiệt độ từ -20°C đến 120°C - Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm phải có bản tự công bố sản phẩm theo quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; trường hợp chưa có bản tự công bố, nhà thầu phải nộp phiếu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thể hiện sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, làm cơ sở để tự công bố. Các tài liệu này phải được nộp kèm theo hồ sơ dự thầu (bản sao có xác nhận của nhà thầu). - Yêu cầu khác: + Kháng khuẩn tốt + Trên nắp hộp có thiết kế đồng hồ giúp ghi nhớ thời gian hoặc có chỗ để dán ghi chú. - In/dán màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt	Bộ	- Đóng gói: Mỗi bộ sản phẩm được để trong 01 hộp giấy. - Đóng ≤ 20 bộ/thùng carton	8.100
13	Hộp thủy tinh chữ nhật chia ngăn	- Chất liệu: Hộp (thủy tinh cao cấp), Nắp (nhựa PP), Gioăng (Silicon). Có tài liệu kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành thể hiện vật liệu sử dụng cho từng bộ phận (thân thủy	Chiếc	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được để trong 01 hộp giấy.	2.700

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
		<i>tinh, nắp PP, gioăng silicon) và mục đích sử dụng cho thực phẩm.</i> - Dung tích: $\geq 1500\text{ml}$ - Khả năng chịu nhiệt: Thân hộp thủy tinh sử dụng ổn định trong dải nhiệt độ từ -20°C đến 400°C. - Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm phải có bản tự công bố sản phẩm theo quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; trường hợp chưa có bản tự công bố, nhà thầu phải nộp phiếu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thể hiện sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, làm cơ sở để tự công bố. <i>Các tài liệu này phải được nộp kèm theo hồ sơ dự thầu (bản sao có xác nhận của nhà thầu).</i> - Yêu cầu khác: Hộp được chia thành 03 ngăn riêng biệt; Nắp có gioăng silicon kín khít và khóa 04 góc, hạn chế rò rỉ trong điều kiện sử dụng thông thường. - In màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt		- Đóng ≤ 20 chiếc/thùng carton	
14	Bộ đôi gói tựa	- Chất liệu: + Bao ngoài: Vải velboa co giãn 02 chiều 100% polyester. + Lõi trong: Bông gòn (bông xơ) 100% polyester, màu trắng. Có lớp vải lót không dệt màu trắng. <i>Có tài liệu mô tả kỹ thuật/catalogo do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành, trong đó thể hiện tối thiểu các nội dung sau: Cấu tạo sản phẩm (bao ngoài, lõi nhồi, lớp vải lót); Tên và thành phần chính của vật liệu sử dụng cho từng bộ phận; Hình ảnh minh họa hoặc bản vẽ mô phỏng thể hiện cấu tạo sản phẩm. (Cung cấp phiếu kiểm nghiệm hoặc kết quả thử nghiệm chất liệu (vải velboa, bông xơ, vải lót không dệt) do phòng thử nghiệm được công nhận theo quy định của pháp luật thực hiện.)*</i> - Trọng lượng: ≥ 350 gr/chiếc x 02 chiếc. - Kích thước: (dài x rộng) = (40×40) cm, $\pm 5\%$. - Màu sắc: Đa dạng. - Yêu cầu khác: Sản phẩm có khóa kéo. Đường may chắc chắn, đều, mật độ ≥ 3	Chiếc	- Đóng gói: Bộ sản phẩm được để chung trong 01 túi nilon và hút chân không. - Đóng ≤ 15 bộ/thùng carton, mỗi thùng có tối thiểu 05 màu.	20.000

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
		mũi chi/1 cm. Không lộ chỉ thừa, không bung rách. - In màu lên sản phẩm theo bộ nhận diện linh vật của Chủ đầu tư phê duyệt.			
15	Túi vải không dệt	- Chất liệu: Vải không dệt 100% polypropyle. Định lượng 90 gms ($\pm 5\%$). <i>Có tài liệu mô tả kỹ thuật/catalog do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành, trong đó thể hiện tối thiểu các nội dung sau: Loại vải không dệt sử dụng và thành phần vật liệu chính; Định lượng vải (g/m^2); Cấu tạo túi (thân túi, quai túi, đường may hoặc mối hàn); Hình ảnh minh họa hoặc bản vẽ mô phỏng cấu tạo sản phẩm.</i> - Kích thước: + Thân túi: $\geq (45 \times 30 \times 15)$ cm. + Quai túi: $\geq (25 \times 02)$ cm. - Màu sắc: Màu đỏ. - Tải trọng: ≥ 5 kg. Nội dung: In 01 màu 02 mặt, nội dung in do Chủ đầu tư phê duyệt. - Yêu cầu khác: Túi hai quai dạng xách, đường may hoặc mối hàn chắc chắn, chịu được tải trọng theo yêu cầu trong điều kiện sử dụng thông thường.	Chiếc	- Đóng gói: ≤ 200 chiếc/bao	180.000
16	Chăn nỷ	- Chất liệu: Vải ni 100% polyester. . <i>Có tài liệu mô tả kỹ thuật/catalog do nhà thầu hoặc nhà sản xuất phát hành, trong đó thể hiện tối thiểu các nội dung sau: Loại vải ni sử dụng và thành phần sợi chính; Định lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản của vải; Hình ảnh minh họa hoặc bản vẽ mô phỏng sản phẩm.</i> <i>(Cung cấp phiếu kiểm nghiệm hoặc kết quả thử nghiệm thành phần sợi vải ni do phòng thử nghiệm được công nhận theo quy định của pháp luật thực hiện.) *</i> - Trọng lượng: ≥ 650 gr. - Kích thước: (dài x rộng) = (200×160) cm, $\pm 3\%$. - Màu sắc: Đa dạng. Tối thiểu 05 màu. - Yêu cầu khác: Đường may chắc chắn, đều, mật độ ≥ 3 mũi chi/1 cm. Các cạnh chăn được may viền gấp xung quanh, không bung mép. - Gắn tem mác theo nội dung do Chủ đầu tư phê duyệt	Chiếc	- Đóng gói: Mỗi sản phẩm được để riêng trong 01 túi nilon và hút chân không. - Đóng ≤ 20 chiếc/thùng carton, mỗi thùng có tối thiểu 05 màu	20.000

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	DVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
II Gói thầu “Suất ăn cho nười hiến máu tại Viện và các điểm cố định”					
1	Sữa tươi tiệt trùng ít đường	- Thành phần: Sữa bò tươi, đường, chất ổn định và các thành phần khác (nếu có). - Thể tích: ≥ 180 ml. - Sản phẩm được sản xuất từ đơn vị đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018 (hoặc HACCP). - Có bản tự công bố sản phẩm - Thời hạn sử dụng còn lại tại thời điểm giao hàng: $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì.	Hộp	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	180.000
2	Bánh nướng giòn	- Thành phần: Bột mỳ, đường, bơ, trứng, muối, tỏi, và các thành phần khác (nếu có). - Mỗi chiếc được đóng trong một túi nilon. - Trọng lượng: ≥ 35 gr/chiếc - Thời hạn sử dụng tại thời điểm nhận hàng đạt $\geq 70\%$ kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì.	Chiếc	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	180.000
3	Bánh bông lan nhân kem	- Thành phần: Trứng, bột mì, đường, dầu thực vật, chất béo thực vật, mạch nha và các thành phần khác (nếu có). - Trọng lượng: ≥ 18 gr/chiếc. - Sản phẩm được sản xuất từ đơn vị đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018 (hoặc HACCP). - Có bản tự công bố sản phẩm. - Thời hạn sử dụng còn lại tại thời điểm giao hàng $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì	Chiếc	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	180.000
4	Bánh bông lan sợi thịt	- Thành phần: Trứng, bột mì, đường, dầu thực vật, ruốc thịt, mạch nha và các thành phần khác (nếu có). - Trọng lượng: ≥ 15 gr/chiếc. - Sản phẩm được sản xuất từ đơn vị đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018 (hoặc HACCP). - Có bản tự công bố sản phẩm. - Thời hạn sử dụng còn lại tại thời điểm giao hàng $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì	Chiếc	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	180.000

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
5	Kẹo dẻo	- Thành phần: Đường, mạch nha, nước ép trái cây cô đặc, hương trái cây tổng hợp và các thành phần khác (nếu có). - Trọng lượng: ≥ 25 gr/gói. - Sản phẩm được sản xuất từ đơn vị đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018 (hoặc HACCP). - Có bản tự công bố sản phẩm. - Thời hạn sử dụng còn lại tại thời điểm giao hàng $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì	Gói	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	180.000
6	Nước uống tinh khiết	- Thành phần: Nước tinh khiết 100%. - Nguồn nước được xử lý bởi hệ thống thẩm thấu ngược RO. Thực hiện qua hệ thống khử trùng kép tia cực tím UV và Ozone. - Thể tích: ≥ 18 lít/bình. - Bình có vòi, có tem niêm phong ở nắp bình, nilon bao kín nắp cổ bình và vòi mở nước. - Sản phẩm được sản xuất tại cơ sở có chứng nhận ISO 22000:2018 (hoặc HACCP). - Có bản tự công bố sản phẩm. - Thời hạn sử dụng còn lại tại thời điểm giao hàng $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì	Bình	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	4.800
7	Trà mạn	- Thành phần: $\geq 95\%$ chè búp khô. - Chỉ tiêu chất lượng chính: Độ ẩm $\leq 5\%$. - Trọng lượng: 1.000 gr/túi. - Sản phẩm được sản xuất từ đơn vị đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018 (hoặc HACCP). - Có bản tự công bố sản phẩm. - Thời hạn sử dụng còn lại tại thời điểm giao hàng: $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì.	Kg	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, có hút chân không trong túi PE.	540
8	Đường kính trắng	- Thành phần: Đường kính sacaroza. - Chỉ tiêu chất lượng chính: Độ Pol (%) $\geq 99,7$ (oZ). - Trọng lượng: 1.000 gr/túi. - Sản phẩm được sản xuất tại cơ sở có chứng nhận ISO 22000:2018 (hoặc HACCP). - Có bản tự công bố sản phẩm. - Thời hạn sử dụng còn lại tại thời điểm	Kg	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	5.400

TT	Danh mục	Tính năng kỹ thuật	DVT	Quy cách (tham khảo)	Số lượng
		giao hàng $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì			
9	Cốc giấy dùng 1 lần	- Chất liệu: Giấy tinh khiết PO và tráng phủ lớp nhựa PE. - Dung tích: $\geq 7\text{oz} \approx 206\text{ml}$/chiếc. - Màu sắc: Màu trắng. - Sản phẩm đạt chứng nhận chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ Y tế. - Có bản tự công bố sản phẩm. - Thời hạn sử dụng còn lại tại thời điểm giao hàng: $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì.	Chiếc	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	360.000
10	Giấy ăn	- Chất liệu: Bột giấy nguyên chất 100%. - Định lượng: $\geq 15\text{g/m}^2$. - Kích thước: $\geq 30 \times 30\text{ cm}$. - Đóng gói: ≥ 100 tờ/gói. - Có bản tự công bố sản phẩm. - Sản phẩm có kết quả thử nghiệm / kiểm nghiệm của Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cấp. - Thời hạn sử dụng: ≥ 24 tháng, trong đó thời hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì.	Gói	- Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	5.400
11	Túi Nilon.	- Chất liệu: Nhựa nguyên sinh - Kích thước (Dài- cả quai x Rộng): $\geq 300 \times 200\text{mm}$. - Loại túi đựng $\geq 1\text{kg}$; 1kg gồm ≥ 450 túi - Thời hạn sử dụng: ≥ 12 tháng, trong đó thời hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng $\geq 70\%$ thời hạn kể từ ngày sản xuất ghi trên bao bì.	Chiếc	- Đóng gói: ≥ 450 túi/kg	180.000

Ghi chú: (*): Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh trong quá trình hoàn thiện hợp đồng. Nếu nhà thầu không cung cấp tài liệu trên thì được coi là không tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

2. Địa điểm cung cấp hàng hoá: Tại Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương, Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng: Giao hàng theo từng lần, sắp xếp vào kho theo yêu cầu của Chủ đầu tư:

- Đối với các mặt hàng là Quà tặng: Tần suất giao 02-03 lần/tuần, mỗi lần khoảng 700 – 2.000 từng loại sản phẩm. Trường hợp đặc biệt, số lượng giao hàng theo từng lần có thể tăng/giảm, chủ đầu tư sẽ thông báo trước 05 ngày

- Đối với các mặt hàng là Suất ăn: Tần suất giao 02-03 lần/tuần, mỗi lần khoảng 2.000-3.000 từng loại sản phẩm và 30-50 đối với sản phẩm (đường, nước uống tinh khiết, giấy ăn). Trường hợp đặc biệt, số lượng giao hàng theo từng lần có thể tăng/giảm, chủ đầu tư sẽ thông báo trước 05 ngày.

- Tiến độ giao hàng: $\leq 48h$ kể từ ngày Chủ đầu tư đặt hàng. Trường hợp đặc biệt vào các ngày lễ việc giao hàng theo thỏa thuận của chủ đầu tư và nhà thầu nhưng không vượt quá tiến độ giao hàng.

4. Thời hạn thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5. Điều kiện thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định (Hoá đơn tài chính, Biên bản nghiệm thu khối lượng hợp đồng, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành - Mẫu 08 Nghị định 11/2020/NĐ - CP, Đối chiếu công nợ hàng tháng ...)

6. Giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí theo quy định, chi phí vận chuyển, giao hàng và yêu cầu khác.

7. Giấy tờ kèm theo: Vui lòng đính kèm bản sao giấy đăng ký kinh doanh có đóng dấu của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!

KT.VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG *leu* *ll*

[Signature]
Lê Lâm